TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨH - TP HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨH - THÀNH PHỐ HN;

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Vân** và ông **Đặng Viết Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:

Ông **Nguyễn Tyên**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ỨH, thành phố HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32 /2024 ngày 24/07/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị **Trần Thị B** - sinh năm 1975 .

Nơi ĐK HKTT và nơi ở: Thôn Đống Vũ, xã Trường Thịnh, huyện □H, HN.

Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1980

Nơi ĐK HKTT và nơi ở: Thôn Đống Vũ, xã Trường Thịnh, huyện □H, HN.

Tại phiên toà chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Thịnh năm 2000. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do không có tình yêu, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hơn nữa, anh T không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn, sau vì mâu Tẫn chị bỏ về nhà cha mẹ đẻ, sống ly thân mười mấy năm nay, mặc dù cùng chung sống trong thôn nhưng giữa chị và anh không ai quan tâm đến ai, mỗi người một nơi. Vì vậy, chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 08/12/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành chị không đề nghị tòa xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh T không có và không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã báo gọi anh T, nhiều lần nhưng anh T không đến toà án trình bày quan điểm về việc xin ly hôn của chị. Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2000 gia đình gia bà đã tổ chức cưới cho anh T và chị B theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng anh T, chị B sống cùng gia đình bà một thời gian, sau đó chị B bỏ nhà đi vì phải lòng người khác, bà có sang nhà bảo về nhưng chị B không về, vợ chồng sống ly thân hơn 10 năm nay. Nay chị B có đơn xin ly hôn anh T là việc của của chị , bà chỉ nhận các văn bản tài liệu của toà án cho anh T còn không ký bất cứ văn bản gì, con trai bà cũng không bao giờ ký.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ỨH có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết, thời hạn giải quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị B, xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Cháu Nguyễn Thùy T đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản và công nợ chung: không có gì nên tòa không xem xét giải quyết; Về án phí chị B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: chị Trần Thị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện ỨH giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Văn T có đăng ký nơi cư trú: Thôn Đống Vũ, xã Trường Thịnh, huyện ỨH, thành phố HN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ỨH, thành phố HN theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tòa triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình, giao các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Nguyễn Thị M (*Là mẹ đẻ của anh T*) , bà M chỉ nhận các văn bản tố tụng của Toà án cho anh T chứ không ký nhận bất cứ biên bản gì, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui đinh của pháp luật. Ngày 8/7/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định, tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; Nguyên đơn xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về mâu thuẫn HĐXX nhận thấy: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Thịnh, huyện ỨH, HN ngày 27/11/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian ngắn chung sống thì xảy ra muân Tẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; Hơn nữa, do anh T chị B lấy nhau do mối lái không có tình yêu. Khi chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng. Chính quyền địa phương cũng xác nhận cuộc sống chung vợ chồng anh T, chị B không có hạnh phúc, vợ chồng sống chung thời gian nhưng thường xuyên sảy ra xô sát cãi chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm, thời gian sống chung rất ít; quá trình giải quyết anh T không đến làm việc, chứng tỏ mục đích của việc đoàn tụ giữa anh và chị là không có, chị B giữ nguyên quan điểm xin ly hôn xét thấy: Cuộc sống chung vợ chồng giữa chị B và anh Tuấn mẫu Tẫn đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Nên cần chấp nhận đơn xử cho chị B được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh năm 2001. Hiện con chung đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên tòa không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Trần Thị B khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị B phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị B.

Xử: Chị Trần Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị B, anh T có 1 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh năm 2001. Hiện nay cháu đã trưởng thành, tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011768 ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố HN.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP HN;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã Trường Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Hùng